

Bản án số: 28/2024/HSST

Ngày: 26/11/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Định**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Tạ Thị Mùa**

Bà Hoàng Thị Thái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thương Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thanh T** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2024/TLST - HS, ngày 08 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất:

Họ và tên: **Lò Văn T1**; tên gọi khác: Không có tên gọi khác, sinh ngày 06/01/2000 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Dữn, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lò Văn H và bà Tòng Thị L; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai:

Họ và tên: **Lường Văn D**; tên gọi khác: Không có tên gọi khác, sinh ngày 19/6/1985 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Phủ, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; con ông Lường Văn C và bà Lò Thị H1; vợ: Quảng Thị T2 (Đã ly hôn) và Tòng Thị N (Đã ly hôn); bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 22/8/2024, khi Lò Văn T1 và Lường Văn D đang ở lán công trình thuộc tổ dân phố C, phường N, thành phố Đ. T1 rủ D góp tiền đi mua ma túy về cùng sử dụng, D đồng ý rồi đưa cho T1 150.000 đồng, T1 góp 150.000 đồng. Sau đó, T1 và D cùng nhau đi taxi xuống bản Xôm, xã T, huyện Đ để mua ma túy. Khi đến nơi, D bảo taxi đứng chờ ở đường rồi cùng T1 đi vào trong bản gặp một người đàn ông không biết tên, địa chỉ. T1 trao đổi và hỏi mua được 01 gói Heroine, được gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng với giá 100.000 đồng. Sau khi mua được H2, D nhặt mảnh giấy bạc ở cạnh đường, T1 dùng tay lấy ra một ít Heroine cho lên mảnh giấy bạc, dùng bật lửa mang theo rồi cả hai ngồi ở bờ ruộng cùng nhau sử dụng bằng cách đốt, hít. Sau khi sử dụng ma túy xong, T1 vứt mảnh giấy bạc và bật lửa ở đường. Số Heroine còn lại, Tiến gói lại như ban đầu, cầm trong lòng bàn tay cùng D ra taxi đi về. T1 trả tiền taxi hết 200.000 đồng. Hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi T1 và D đi bộ trên đường thuộc tổ dân phố C, phường N, thành phố Đ thì bị tổ công tác Công an phường N phát hiện, bắt quả tang thu giữ trong lòng bàn tay phải của T1 01 gói Heroine. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Vật chứng, vật tạm thu, tạm giữ: 01 gói được gói ngoài bằng mảnh nilon màu trắng, bên trong có chứa các cục chất bột thể rắn, màu trắng đục nghi là Heroine.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiến hành mở niêm phong, xác định khối lượng, niêm phong vật chứng nghi là Heroine thu giữ của T1 và D, gửi toàn bộ làm mẫu giám định. Tại Bản kết luận giám định số 1368/KL-KTHS ngày 28/8/2024 của phòng K Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroine, khối lượng gửi mẫu giám định là 0,17 gam. H3 lại mẫu sau khi giám định.

Cáo trạng số 193/CT-VKSTPĐBP ngày 08/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ để xét xử bị cáo Lò Văn T1 và Lường Văn D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố khẳng định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ Điều 38; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 từ 14 tháng đến 17 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lương Văn D từ 13 tháng đến 16 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự đối với cả hai bị cáo.

Về vật chứng vụ án, vật tạm thu, tạm giữ: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,14 gam Heroine còn lại sau giám định, 01 mảnh nilon màu trắng.

Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo T1.

Bị cáo T1, bị cáo D nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Viện Kiểm sát; không có lời bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận về việc giải quyết vụ án.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của từng bị cáo: Qua tranh tụng và xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi cất giấu trái phép 0,17 gam Heroine, mục đích để cùng nhau sử dụng; lời khai nhận tội của bị cáo T1 phù hợp với lời khai của bị cáo D; biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; biên bản niêm phong, mở niêm phong, giao nhận đối tượng giám định; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cụ thể:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 22/8/2024, tại khu vực tổ dân phố C, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Lò Văn T1 đã có hành vi cất giấu trái phép 0,17 gam Heroine trên người. Số ma túy là do Lò Văn T1 và Lương Văn D góp tiền mua được, mục đích để cùng nhau sử dụng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào

tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T1 và bị cáo D là người có năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố các bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2]. Về vai trò, tính chất, mức độ, động cơ phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Quá trình thực hiện tội phạm, Lò Văn T1 và Lương Văn D không có sự phân công rõ ràng nên không có tính tổ chức. T1 là người khởi xướng, trực tiếp mua và cất giấu ma túy, D là người góp tiền và cùng T1 đi mua ma túy nên vai trò đồng phạm của các bị cáo đều là người thực hành. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội cần phải xử lý nghiêm.

[3]. Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo thấy rằng: Bị cáo T1, bị cáo D chưa bị Toà án nào xét xử; chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên cả hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo", quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung trên địa bàn.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...". Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo T1, bị cáo D tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định; không có tài sản riêng nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt này đối với bị cáo T1, bị cáo D.

[5]. Về xử lý vật chứng, vật tạm thu, tạm giữ trong vụ án: Căn cứ quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,14 gam Heroine còn lại sau giám định; 01 mảnh nilon màu trắng. Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vật không còn giá trị sử dụng.

[6]. Án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác:

Bị cáo Lò Văn T1 là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm đối với bị cáo. Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lường Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo T1, bị cáo D có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo khai mua ma túy của người đàn ông không biết tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, làm rõ. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh, hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T1 và bị cáo Lường Văn D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lò Văn T1 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 8 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Lường Văn D 01 (Một) năm 01 (Một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22 tháng 8 năm 2024.

2. Vật chứng, vật tạm thu, tạm giữ: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,14 gam Heroine, 01 mảnh nilon màu trắng. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ.

3. Án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với Lò Văn T1.

Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lương Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 26/11/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CA thành phố ĐBP;
- CQ. THAHS;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Nhà TG;
- BP. HSNV;
- Cơ quan CSĐTCA thành phố ĐBP;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Định